
**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHẬP
CHƯA ĐƯỢC SỬ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẮN PHỔ BIẾN.**

Kinh Phúng Tụng (Sangiti Sutta) 6

<blockquote>Kalama tri ân bạn buithibuukim ghi chép.</blockquote>

[10/09/2022 - 10:03 - buithibuukim]

KINH PHÚNG TỤNG 6 – Sangiti sutta (6)

Hôm qua chúng ta học về Xứ thiện xảo và Duyên khởi thiện xảo.

Xứ thiện xảo là luôn sống trong nhận thức thường trực và tỉnh táo để nhớ biết thế giới và đời sống của mình và tất cả chúng sinh chỉ là 12 xứ (6 căn 6 trần) liên tục như vậy.

Duyên khởi thiện xảo là nhận thức liên tục về lý duyên khởi. Mỗi lần 6 căn biết 6 trần là một lần trọn vẹn 12 duyên khởi được tái hiện không cần đến đời sau kiếp khác. Tức hiểu lý Duyên khởi theo chiều ngang thay vì chiều dọc như xưa giờ.

Hôm nay chúng ta học về Thanakusalata, trong đây dịch là Xứ thiện xảo và Atthanakusalata là thiện xảo về phi xứ. Tức khả năng nhận biết điều gì là hợp lý và vô lý. Điều gì là khả thi và bất khả thi. Điều gì có thể xảy ra và không thể xảy ra.

Điều này vô cùng quan trọng. Ai sáng nay không nghe giảng bài này là cả sự thiệt thòi, trừ phi người đó có thể tự mày mò tìm hiểu.

THANAKUSALATA (Xứ thiện xảo).

Thanakusalati “ye ye dhamma yesam yesam dhammanam hetupaccaya upppadaya tam tam thananti ya tattha panna pajanana” ti (dha. sa. 1344).

Thiện xảo ‘kusalata’ ở đây đồng nghĩa với ‘panna’. Là trí tuệ biết rõ điều gì có thể thuận ứng với đạo Trời, thuận ứng với các điều kiện, điều đó có thể xảy ra hay không.

Tôi nói chỗ này hiểu sâu là vì: tùy vào chỗ trí tuệ của phàm hay thánh, tùy vào khả năng văn – tư – tu của bản thân mà mỗi người có được khả năng này nhiều hay ít, sâu hay cạn, rộng hay hẹp.

Trong đây nói rõ là: biết rõ cảnh sắc chỉ được gọi là cảnh sắc khi nó được tâm nhãn thức biết. Và cái biết của nhãn thức phải được y cứ trên thần kinh thị giác.

Tôi nhắc lại, toàn bộ vũ trụ này chỉ là 6 căn 6 trần. Mặt trời xa vậy cũng chỉ là cảnh trần, là đối tượng của mắt hoặc của ý thức. Tức nói về vật chất thì xa xôi như các tinh tú, thiên thể, mặt trời mặt trăng trong vũ trụ xa vậy mà vẫn tiếp tục là cảnh (của nhãn thức hoặc ý thức). Vì tế trừu tượng như Niết bàn thì vẫn tiếp tục là cảnh của thánh tâm, thánh trí, vẫn là cảnh của ý thức thì nói gì đến những thứ còn lại. Có một điều trần cảnh chỉ được gọi là trần cảnh khi chúng được 6 thức biết. Và 6 thức ấy phải có điểm tựa như hôm qua đã nói.

Chú giải đơn cử cho biết, hành giả nói riêng và người học Phật tu Phật nói chung phải biết rõ cái gì hợp lý và không hợp lý. Thí dụ:

- Cảnh sắc được gọi là cảnh sắc vì nó được nhãn thức biết. Cái biết đó của nhãn thức phải được dựa trên thần kinh thị giác.

- Âm thanh được gọi là âm thanh chỉ vì nó được tâm nhĩ thức biết. Cái biết đó của nhĩ thức phải dựa vào thần kinh thính giác.

Đó là cái biết hợp lý. Còn ngoài trường hợp đó ra thì không có gì gọi là cảnh sắc, không có gì gọi là cảnh thính.

- Nhĩ căn chỉ được gọi là nhĩ căn khi nó là điểm tựa cho tâm nhĩ thức biết cảnh thính (âm thanh, tiếng động).

- Nhĩ thức chỉ được gọi là nhĩ thức vì đó là cái biết cảnh âm thanh. Tức đối tượng của tai nó được gọi là cảnh thính khi nào nó được tâm nhĩ thức biết. Còn ngoài ra thì nó không phải.

Tôi thí dụ, trước mặt tôi là cái chuông. Nếu tôi không chạm tay vào thì cái chuông chỉ là cảnh sắc. Tức là muốn có tiếng chuông thì tôi phải chạm vào để có âm thanh mình nghe.

(Xin đọc lại bài thơ của Tô Đông Pha cực kỳ đặc địa và đặc dụng cho điều đang nói ở đây). Tô Đông Pha thấy người bạn chơi đàn mới hỏi: xin hỏi âm thanh từ đâu mà có. Nếu nói tiếng đàn từ cây đàn thì tại sao khi không có ai chạm vào thì tiếng đàn không ra âm thanh. Nếu nói tiếng đàn trên ngón tay thì tại sao không có cây đàn thì bàn tay người không nảy ra âm thanh? Bài thơ đó rất là sâu. Tôi cho rằng đó là một trong số không nhiều bài thơ của thế gian đáng được xem là Kinh điển).

“Nhược ngôn cầm thượng hữu cầm thanh.

Phóng tại hạp trung hà bất minh?

Nhược ngôn thanh tại chỉ đầu thượng.

Hà bất vu quân chi thượng thính?”

Dịch: Nếu nói trên cây đàn có âm thanh. Tại sao để trong hộp (hạp = hộp) lại không ra tiếng. Nếu nói âm thanh trên đầu ngón tay. Thì tại sao không có trên đầu ngón tay (vu = ở).

Bài Kinh này sâu ở chỗ: một người tu Phật học Phật và chứng thánh luôn đủ sức biết rõ cái gì là CÁI CÓ THỂ và cái gì là CÁI KHÔNG THỂ.

*/ Hành giả biết rõ cảnh sắc là cái gì, vì đâu được gọi là cảnh sắc, ngoài ra không thể gọi là cảnh sắc. Hành giả biết rõ cái gì là cảnh vị, ngoài đó ra không thể gọi là cảnh vị.

*/ Hành giả biết rõ nhân thiện chỉ cho quả vui, nhân ác chỉ cho quả khổ. Biết rõ cái gì được gọi là nhân căn, cái gì được gọi là nhĩ căn.

Bậc Sơ quả thấy được đại lược Tứ đế và Duyên khởi (ditthisampanno = đầy đủ tri kiến) thì biết rõ không gì trên đời này do duyên mà có mặt lại có thể vĩnh cửu bất hoại. Khả năng thiện xảo này rất sâu sắc và phức tạp tùy khả năng mỗi người mà có được bao nhiêu. Thí dụ ngài Xá Lợi Phất biết hơn Thinh Văn khác về những vấn đề đặc biệt của chư Phật.

Trong Chú giải Kinh Tự Hoan Hỷ nói rằng, chư Phật giống như biển lớn, tùy khả năng mỗi người mà mình đo được chiều sâu chiều rộng bao nhiêu. Mình đi bằng chân ra biển thì biết rằng khả năng mình không thể lặn tới đáy, không thể lội qua bờ biển được. Một người khác có chiếc xuồng nhỏ họ chèo ra xa hơn người lội thứ nhất. Họ cũng biết xuồng này không thể qua bên kia biển được nhưng ít ra cũng ra xa hơn người lội bằng chân không. Người khác có thuyền lớn hơn, lớn hơn và lớn hơn nữa, có các phương tiện dò đáy biển thì hiểu biển sâu ít nhiều khác nhau.

Thì tùy vào khả năng mình mà mình hiểu được chư Phật tới đâu. Thí dụ có vô số chuyện mà nhiều vị đệ tử không biết. Chẳng hạn khi Đức Phật mới thành Đạo ngồi dưới gốc bồ đề thì có hai anh em đến cúng bánh cho Ngài. Ngài suy nghĩ liền ‘Chư Phật không bao giờ nhận thức ăn bằng tay không’. Cái biết đó cũng là biết rõ cái gì nên và không nên, cái gì có thể và không có thể. Được gọi là Như Lai vì đến đi giống hết ba đời, và vị này luôn hành xử giống hết vị kia. Có những trường hợp Ngài suy nghĩ là chư Phật quá khứ gặp trường hợp này sẽ làm sao. Trường hợp này cũng vậy. Khi hai anh em đem bánh tới cúng thì Ngài không có bình bát vì lúc tu khổ hạnh Ngài liệng bỏ bình bát rồi.

Các vị cũng nhớ chuyện, lúc nàng Sujata đến dâng cơm cho Ngài, Ngài mới đưa mắt nhìn Sujata mà không hỏi, ngụ ý là bây giờ ta không có gì đựng đồ ăn hết thì sẽ làm sao đây. Nàng Sujata hiểu và nói ‘Dạ không, con cúng luôn cái mâm này luôn’. Trong Kinh nói rõ cái mâm này bằng vàng. Ngài nghe vậy, khi dùng xong thì Ngài cầm cái mâm đi xuống dòng sông Ngài nghĩ: “Nếu kiếp này đúng là ta thành Phật thì xin cho cái mâm này đừng bị chìm mà hãy trôi ngược dòng”. Trong Kinh nói Ngài thả cái mâm vàng xuống, nó nặng vậy mà đã không chìm, còn trôi ngược dòng nước 80 hắc tay. (Tính Ngài cao 1m8, 1 hắc tay là từ đầu ngón giữa ra tới cùi chỏ) thì tâm khoảng mấy thước.

Sau đêm đó ngài thành Phật. Ngài tiếp tục trải qua 49 ngày không ăn uống gì (7 tuần). Hết 7 tuần thì ngài gặp hai anh em cúng cho Ngài mâm bánh bằng bột (thức ăn họ mang đi đường). Lúc họ cúng thì ngài suy nghĩ chư Phật không bao giờ nhận thức ăn bằng tay không. Khi ngài nghĩ vậy, Tứ Thiên Vương theo dõi ngài mấy ngày nay họ xuống mới cúng mỗi người cho ngài một cái bát. Ngài không muốn ai buồn, nên ngài lấy 4 cái bát chồng lên nhau và chỉ nói một câu ‘thành một đi’. 4 cái bát liền thành một, 4 ông Tứ Thiên Vương ai cũng vui vẻ hết. Trong Kinh nói rõ bình bát đó bằng đá xanh ngọc, ngài dùng đến suốt đời.

Chữ ‘Nhu Lai’ có nghĩa chư Phật đều đến đi giống nhau. Đến nhờ ba la mật đại trí đại bi đại dũng, đại nguyện đại hạnh mà thành Phật giống nhau. Thành rồi thì 32 tướng tốt, 80 tướng phụ giống nhau. Và những chi tiết đặc biệt nhận lời giảng sinh, rồi giảng sanh, thành Đạo, Niết bàn ... những chi tiết lớn trong cuộc đời đều giống nhau. Tuy chuyện đời mỗi vị không giống nhau nhưng lối hành xử y hệt như nhau. Có nghĩa trong hoàn cảnh đó Phật Thích Ca làm như thế nào thì Phật Di Lặc sau này cũng sẽ y chang vậy nếu trong hoàn cảnh y hệt vậy. Dĩ nhiên ‘y hệt’ đây có nghĩa là cũng dựa vào chuyện trước mắt. Chớ không phải y hệt là photocopy một bản chia nhau xài, không phải vậy! Giống đây là giống kiểu chung chung, tinh thần, chớ không phải giống từng chi tiết.

Cho nên ‘Thiện xảo về xứ’ thì ‘xứ’ đây có nghĩa là chuyện đó có thể hay không. Chữ ‘thama’ = xứ = hợp lý. Biết hợp lý là:

1- Một là cái biết hợp lý về 6 trần: người tu Phật biết rõ thế giới này chỉ là 6 căn 6 trần. Mà 6 căn chỉ là 6 căn khi dựa vào 6 trần và 6 thức. Và 6 thức chỉ được gọi là 6 thức khi dựa vào 6 căn và 6 trần. Ba cái này (6 căn, 6 trần, 6 thức) quy định lẫn nhau. Tức mỗi con số 6 này được quy định bởi hai con 6 kia, ngoài ra không có gì nữa.

Tại sao trong Kinh nhấn mạnh chỗ này? Vì muốn cho mình thấy toàn bộ thế giới chỉ nằm trong con số 12 thôi, mà nói rộng ra là 18. Nhưng nói hẹp không cần nói 3 số 6. Nói gọn chỉ nói hai (số 6) cũng đủ. 12 đó là 6 thức và 6 trần.

Luôn luôn nhớ rõ như vậy: cảnh sắc là gì, cảnh thanh là gì => Toàn bộ thế giới chỉ là 6 thức + 6 trần.

2- Cái biết hợp lý thứ hai là những người trừ được thân kiến thì họ hoàn toàn không có nghi hoặc về Tam Bảo, về Tam tướng, về lý nhân quả. Vì họ hiểu đại lược về Tứ đế và Duyên khởi. Họ không bao giờ còn tà kiến, cho rằng có cái gì đó bền vững trên đời. Vị Sơ quả luôn biết rõ nhân lành cho quả vui, nhân ác cho quả khổ.

Hai khả năng thiện xảo này ở Độc Giác cao và sâu rộng hơn thanh Văn. Ở Toàn giác thì cao và sâu rộng hơn Độc Giác. Ở Thanh Văn thì ai tu ba la mật lâu hơn thì hai khả năng này cũng sẽ sâu rộng hơn (Biết rõ cái gì hợp lý và không hợp lý).

Ở bài Kinh Subhadda, đức Thế Tôn về Kusinara để Niết bàn vì ngài biết rõ ba lý do:

- Để gặp Subhadda.

- Có cơ để thuyết tích Đại Thiện Kiến: nói sơ lược nền tảng giáo pháp, sơ lược về dòng luân hồi.

- Để tránh chiến tranh nhằm tranh giành xá lợi. Vì ở đó sẽ có bà la môn Dona đủ sức giành xé.

Lúc đó Đức Phật kêu ngài A Nan cho Subhadda vô. Subhadda hỏi: “Bạch Thế Tôn, con gặp nhiều vị giáo chủ, vị đạo sư. Ai cũng nói mình là thánh nhân. Như vậy họ có đúng là thánh nhân hay không?”. Đức Phật ngài dạy:

“Này Subhadda, câu hỏi đó để qua một bên đi. Đây không phải lúc chúng ta có nhiều thời giờ nói chuyện của thiên hạ. Ở đây Subhadda chỉ cần nhớ bốn chữ ‘không’ (natthi) này thôi:

- Trên trời không thể có dấu chân chim.

- Vạn pháp hữu vi không có gì vĩnh cửu.

- Ngoài Bát chánh đạo không có thánh nhân.

- Ở chư Phật không bao giờ có sự rung động vì thích hay ghét, vì bất cứ một biên kiến thiên lệch nào.”

(Akaseva padam natthi / Samano natthi bahire / Sankhara sassatta natthi / Natthi buddhanaminjitam) – Kinh Pháp cú 254.

Giảng giải bốn chữ ‘natthi’:

Akaseva padam natthi = trên trời không có dấu chân, dù chim hay người.

Samano natthi bahire = Bên ngoài Bát chánh đạo không có thánh nhân. (bahire = bên ngoài ; Chữ ‘samano’ đây không phải là ‘sa môn’ hiểu theo nghĩa thường, mà là đệ nhất sa môn, đệ nhị sa môn, đệ tam sa môn).

Sankhara sassatta natthi = các pháp hữu vi (pháp hành) không có gì là trường cửu.

Natthi buddhanaminjitam.

Đại khái trí thiện xảo là vậy. Biết cái gì có thể và cái gì không có thể. Biết cái gì là hợp lý và cái gì không hợp lý. Biết rõ không Giới thì không cách nào có Định. Mà không Định thì thể nào có Tuệ.

Biết rõ như là:

- Làm cho người khác khổ để mình được vui là chuyện không thể có (impossible).
- Sống theo tà đạo mà muốn trở thành Phật là chuyện không bao giờ.
- Biết rõ muốn trở thành Độc Giác mà không tu tập ba la mật 2 a tăng kỳ là không thể được.
- Muốn thành Chánh Đẳng Giác mà không trải qua thời gian tu ba la mật tối thiểu 20 a tăng kỳ là chuyện không được.
- Muốn trở thành vị đệ nhất Tinh văn mà tu ba la mật dưới một a tăng kỳ là chuyện không thể được.
- Còn thân kiến mà muốn được gọi Tu đà hườn là chuyện không thể.
- Còn dục ái và sân mà được gọi là Bất Lai là không thể.
- 10 kiết sử chưa dứt mà gọi là A la hán thì không thể.

Đây là những chuyện trong mà Kinh nói rộng vô cùng rộng. Mới nghe qua mình thấy không có gì, nhưng thực ra đây là toàn bộ Tam Tạng, toàn bộ Phật trí nằm hết chỗ này. Tùy vào kiến thức, trình độ, khả năng bản thân mà khả năng hiểu của mình tới đâu: biết rõ cái gì không thể xảy ra và có thể xảy ra. Không bao giờ có chuyện một người mù tịt về Tứ đế và Duyên khởi mà lại có thể chứng Sơ quả. Trong khi đó hôm nay mặt pháp có kẻ dám nói Tinh Văn tu Tứ Đế, Độc Giác tu Duyên khởi. Tôi xin thưa đó là cái đại tà kiến. Không bao giờ có chuyện một người mù tịt về Tứ đế mà có thể chấm dứt được thân kiến! Cũng như không bao giờ có chuyện một người hiểu về Bốn đế mà lại mù tịt về Duyên khởi. Có thể người đó nói không rõ, không hay, không chi tiết bài bản về Duyên khởi thì được, nhưng mà nói mù tịt về Duyên khởi thì không. Nhớ nhe, đó là chuyện không thể!

Cho nên không thể nào có chuyện một người chấm dứt thân kiến mà có khả năng tái sinh quá 8 kiếp. Không bao giờ có chuyện một người chứng A na hàm mà lại có thể quay lui cõi Dục giới. Không bao giờ có chuyện một người đắc Thánh Đạo xong nằm đó chờ thời gian rồi Thánh quả mới trôi lên. Chuyện đó không có. Thánh Đạo nó xuất hiện lúc nào thì Thánh quả tiếp nối liền ngay theo sau đó.

Nói chung chuyện đời biết càng nhiều thì khả năng thiện xảo về xứ và phi xứ cũng nhiều theo. Tạm thí dụ như nấu ăn, thì không thể nào nấu chè đậu xanh mà bỏ tiêu rắc rau mùi lên đó được.

Tóm lại, thiện xảo về xứ và phi xứ là biết rõ cái gì hợp lý và không hợp lý. Cái gì có thể xảy ra và cái gì không thể xảy ra. Thí dụ hành giả ngồi thiền thấy sanh tâm hoan hỷ, thích thú trong đó. Thì hành giả phải đủ trí đủ niệm để biết rõ rằng đây là ái. Hành giả phải biết rõ cái gì là ÁI hay SÂN trong lúc tu tập để hiểu rằng không thể nào có chuyện tiếp tục thể này lại có thể chứng thánh. Mới có tu ba mớ, có chút phi lạc, nghe người nhẹ nhẹ, nghe lưng mát mát, cái mông êm êm là bắt đầu khoái lên. Anh khoái thì tôi không cần, nhưng có cái này tôi cần: anh khoái quá rồi anh tưởng đắc cái này đắc cái kia, thì đó là tào lao. Đó là không thiện xảo về Xứ và Phi xứ, bởi vốn dĩ chuyện đó không thể xảy ra!

Có vị hỏi, có những người cư sĩ họ đang sống bê tha trụy lạc tại sao họ đắc? – Tôi xin nói rõ, cái ba la mật của họ nó đã đầy khít rồi. Cái chuyện mình thấy họ dễ duôi đó thực ra chỉ là cái tạm thời thôi. Chứ nhiều kiếp Giới Định họ, ba la mật họ đã chín muồi rồi. Cho nên khi cơ duyên đủ, cái Giới của họ không cần ở hình thức xuất gia mà chỉ cần khoảnh khắc tâm lý thôi. Trong khoảnh khắc đó họ có thể chết nhưng không thể làm chuyện tầm bậy được. Mình gọi đó là khoảnh khắc Giới. Giới đó chính là khả năng tâm lý. Nên đôi lúc giới chỉ là khả năng tâm lý không cần đến những ngày tháng trì giới hình thức. Tuy nhiên đây chỉ là sometime, tùy căn cơ. Giống như các thiền tuệ Vipassananana chỉ là những khía cạnh của trí tuệ tu Quán thôi, không nên hiểu là những trình độ

cao thấp mà ta phải lần lượt trải qua theo cái cách trường lớp ở đời. (Quý vị có nghi ngờ gì thì tùy nhưng tôi xin nhắc lại lần nữa tôi chịu trách nhiệm cách nói này).

Như vậy là BIẾT RÕ CÁI GÌ CÓ THỂ VÀ KHÔNG THỂ, nghe qua thì thấy không có gì nhưng ngẫm lại thì hết hồn! Trong đời sống anh và tôi, thằng Tý và thằng Tèo, tôi và quý vị cái khả năng này khác nhau. Mình phải học Đạo càng nhiều, văn tư tu mình càng nhiều thì mình mới biết cái chuyện này nên hay không nên, chuyện này có thể hay không có thể.

Tôi nhắc lại lần nữa, không có gì bậy cho bằng chưa là thánh nhân mà lại có thể dừng lại nửa chừng. Lát nữa (hay tuần sau tháng tới gì đó) tôi sẽ giảng sâu về chỗ này. Trong đó có hai pháp rất quan trọng là:

* Asantutthita kusalesu dhammesu = không biết đủ trong thiện pháp, không dừng lại nửa chừng khi chưa đạt đến đích.

* Appatvanita ca padhanasmim = không có lùi bước trong sự tinh tấn.

Chú giải nói toàn bộ 30 ba la mật của Bồ tát Chánh Đẳng Giác, 20 ba la mật của Độc Giác và 10 ba la mật của Thinh Văn đều nằm trong 2 điều này, nhưng chỉ có ở Bồ tát Toàn giác là rớt ráo nhưt. Có nghĩa ở Bồ tát Chánh Đẳng Giác ngài gặp thiện là làm không có biết no. Một khi đã tinh tấn thì không biết dừng. Cho nên chư Phật Chánh Đẳng Giác khi đã thành Phật rồi cho đến lúc Niết bàn không bao giờ có chuyện cúi đầu, dẫu đi vào hang động hay đi vào tàn cây, đặc biệt như vậy!

Tôi cũng đã nhắc hoài: “Toàn bộ Giáo Pháp chỉ hai việc thôi là biết rõ cái gì mình cần và cái gì mình thích. Người cầu giải thoát chỉ cần làm một việc là bỏ thừa và thêm thiếu”. Một câu nói rất đời của ông điêu khắc gia Rodin rất đúng là ‘Đem về một khối gỗ hay đá rồi bỏ đi cái thừa, phần còn lại là tác phẩm điêu khắc’.

Trong tu hành, cái thừa là cái mà mình không cần. Còn thiếu là cái mình phải bổ sung. Còn đủ là bỏ bớt không được mà thêm vào cũng không xong.

Mình vừa học xong Xứ và Phi xứ thiện xảo!

CHƠN TRỰC VÀ TÂM ÚY – Ajjavanca Lajjavanca

Ajjava = chánh mạng = không mắc vào tà mạng.

Lajji, Lajjava = liêm sỉ = biết thẹn.

‘Ajjava’ là trường hợp tỷ kheo không mắc vào 21 tà mạng (kiếm sống bằng những cách không hợp luật, như nói gọn là làm cư sĩ vui hay sợ để họ cung đốn cho mình) và lui tới những chỗ bất xứng (agocara).

* Không mắc vào tà mạng.

Anesana = tà mạng = không hợp luật.

Chú giải kể rõ ra 21 trường hợp anesana (tà mạng), chứ Chánh Kinh không có nói. Như tỷ kheo vì muốn cư sĩ vui nên cho tre, cho lá dừa lợp nóc, cho củi, trái cây, đồ ăn, đồ gia dụng, vân vân, kể ra từng món, tổng cộng là 21. Kể dài 21 món từng món cụ thể như vậy. Cũng giống như Chú giải kể chi li 18 món Phi xứ (là chỗ không thích hợp với hành giả), thay vì nói chung là tránh những chỗ có tiếng ồn, có hình ảnh có thể gây phiền nhiễu cho chánh niệm. Thí dụ chỗ họp chợ, chỗ gánh nước ... nói chung là những chỗ có 6 trần phức tạp.

Ở đây nói gọn lại là những trường hợp làm cho cư sĩ vui hay sợ để họ nuôi mình:

Làm cho họ vui như tặng quà, làm việc nhà, khen không đúng sự thật, bốc thơm để họ cúng cho mình.

Làm họ sợ như dùng tử vi, lấy phong thủy, tướng số ra nói dọa người ta.

* Không lui tới những chỗ bất xứng.

6 điểm đến bất xứng (agocara): như tỷ kheo không lui tới những nhà gái già, gái lỡ thì, đàn bà góa, người không rõ ràng về giới tính... Chưa kể đi sớm về khuya cũng nằm trong trường hợp agocara.

KHAM NHẬN VÀ NHU HÒA – Khanti ca soraccanca

* Kham nhẫn.

Kham nhẫn gồm nội nhẫn và ngoại nhẫn, chịu đựng được những thứ khó chịu từ bên ngoài và đối phó được với phiền não bản thân.

- Ngoại nhẫn: chịu đựng những khó chịu bên ngoài như nắng gió, mưa, sương, muỗi mòng, rắn rít, đói lạnh, bị đời trù dập, chửi bới, tấn công ...

- Nội nhân: đối phó với riêng mình. Tối về tắt đèn trùm mền đóng cửa mà dục nó lên, sân nó lên mà vượt qua được.

Như Kinh kể một tỳ kheo ngồi thiền ngoài rừng buổi trưa nóng quá, nóng tàn khốc. Vị đó mới suy nghĩ: ‘Nhìn quanh ta không còn chỗ nào để mà đi nữa. Trước mắt chỉ có chỗ này, mà nóng như vậy mà ta không tiếp tục thiền thì không lẽ trong suốt thời gian ở đây ta không hành thiền sao. Mà ngồi đây nóng quá thì thôi, nó dễ chịu thì mình quán dễ chịu, mà nó khó chịu thì mình quán cái khó chịu. Cái nào cũng là cảnh. Nếu hôm nay không nỗ lực mai này xuống dưới kia nó nóng còn hơn cái này nữa, ...’

Còn trường hợp khác nữa cũng y chang mà là lạnh. Một vị tỳ kheo ngồi thiền ngoài rừng mà lạnh quá. Vị này cũng quán chiếu y như vậy. Vị ấy nghĩ: “Bây giờ dễ chịu thì mình quán nó dễ chịu. Gặp cảnh dễ chịu mà không quán thì ái nó lên. Bây giờ cái khó chịu nó cũng là cảnh như là dễ chịu. Khó chịu mà mình không quán thì sân nó lên”. Nghĩa là the same.

Chỉ có hành giả thứ thiệt mới nghĩ được vậy. Tức là “Nếu giờ ta sống tiện nghi mà thất niệm thì ái nó lên. Giờ ta đang sống không tiện nghi mà không quán (thất niệm) thì sân nó lên”. Rõ ràng dễ chịu hay khó chịu thì trong nhận thức của hành giả giống nhau y chang. Tức cảnh nào cũng chỉ là cảnh. Nếu hôm nay không nỗ lực thì mai này sa đọa gấp triệu lần hơn. Trường hợp đó gọi là nội nhân và ngoại nhân.

* Nhu hòa (soracca).

‘Soracca’ = ‘tự quản’ : là sự thu thúc ba nghiệp theo giới luật. Khi chưa biết Đạo, khi không giữ giới thì muốn nói, làm và suy nghĩ gì cũng được. Khi có giới rồi thì tam nghiệp luôn được tự quản. Giới có 2 trường hợp: không phạm trên hình thức hoặc giữ giới trên tinh thần.

- Không phạm trên hình thức: Tức nhìn bên ngoài thì thấy không phạm theo luật quy định, nhưng trong lòng vị tỳ kheo ấy nghĩ gì thì không thể biết.

- Giữ giới trên tinh thần là mức độ cao hơn, khó hơn. Thí dụ không sát sanh chưa đủ, mà còn phải có lòng từ bi với chúng sinh, để không làm bất cứ loài nào bị chết chóc, đau đớn. Như nhìn bên ngoài tôi không sát sanh con vật nào, nhưng giữ giới mức khó hơn là trong lòng tôi không giết vì tôi thương. Tôi không ăn cắp, không sang đoạt người khác thì chưa chắc là giữ giới. Mà quan trọng là tôi biết đó là chuyện không nên vì nghĩ nó sẽ để lại quả xấu. Đồng thời tự thấy thẹn vì nghĩ người khác mà biết được thì đời mình sẽ ra sao. Đó là giữ giới trên tinh thần.

Tôi nhắc hoài, nhiều người hiểu lầm chuyện này, như thấy một vị sư trên núi, không có tiền bạc, không có phụ nữ, không điều kiện để tích trữ thực phẩm, vân vân, rồi nghĩ vị đó trong sạch. Chưa chắc! Quan trọng là tại sao ông không giữ tiền? Ông từ chối giữ hay ông không có tiền để giữ. Đó là hai chuyện khác nhau. Cái ‘soracca’ này rất quan trọng.

Bây giờ 7g30 rồi. Chúc các vị một ngày vui, một đêm an lành nhiều mộng đẹp./.

**XIN LƯU Ý:
ĐÂY CHỈ LÀ BẢN CHÉP NHÁP
CHƯA ĐƯỢC SỰ GIÁC NGUYÊN HIỆU ĐỈNH.
QUÝ PHẬT TỬ TẠM THỜI CÓ THỂ DÙNG LÀM
TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU CHO RIÊNG MÌNH.
XIN TRÁNH IN ẤN PHỔ BIẾN.**
